

# Một số đặc điểm về tổ chức đời sống và nguồn hỗ trợ của người cao tuổi ở khu vực thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh xung quanh

TRƯƠNG SĨ ÁNH

Ngày nay, vấn đề lão hóa dân số không còn là vấn đề riêng của các nước phát triển. Sự suy giảm mức sinh nhanh chóng đi đôi với sự cải thiện chất lượng cuộc sống và kéo dài tuổi thọ con người ở nhiều nước đang phát triển cũng đã và đang đặt ra cho các nước này nhiều vấn đề nan giải có liên quan đến bộ phận dân số lớn tuổi đang có xu hướng ngày càng tăng.

Trong những năm gần đây, các vấn đề có liên quan đến người cao tuổi ở Việt Nam cũng ngày càng được quan tâm chú ý nhiều hơn. Một số các dự án nghiên cứu xã hội (như của PTS. Bùi Thế Cường, 1993; GS. Đặng Thu, 1994) cũng như các kết quả điều tra dân số trong thời gian qua của Tổng cục Thống kê (Tổng cục Thống kê 1991) đã đóng góp thêm nhiều thông tin và kiến thức quan trọng về dân số cao tuổi tại Việt Nam. Tuy nhiên, có thể nói còn rất nhiều vấn đề có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến người cao tuổi, chẳng hạn hình thức tổ chức đời sống, nếp sinh hoạt, các quan hệ trao đổi và hỗ trợ vật chất cũng như tinh thần giữa người cao tuổi và thế hệ khác trong gia đình, vai trò của Nhà nước và gia đình đối với người cao tuổi, v.v... vẫn chưa được nghiên cứu một cách thấu đáo và đầy đủ. Tất nhiên, các vấn đề này rộng lớn và phức tạp tới mức cần phải có rất nhiều công trình nghiên cứu sâu rộng trước khi có thể đưa ra được những kết luận và khuyến nghị một cách thỏa đáng. Có lẽ đây cũng là một trong những lĩnh vực nghiên cứu quan trọng của Việt Nam trong những năm sắp tới.

Bài viết này sẽ trình bày tóm tắt một số kết quả phân tích chủ yếu rút ra từ cuộc điều tra về người cao tuổi được thực hiện đầu năm 1997 theo chương trình hợp tác giữa Viện Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Nghiên cứu dân số của trường Đại học Michigan (Mỹ). Cuộc điều tra này không nhằm mục đích mang tính đại diện cho toàn bộ khu vực phía Nam mà chỉ nhằm vào một vùng dân cư đặc trưng, bao gồm một trung tâm đô thị là thành phố Hồ Chí Minh và 6 tỉnh xung quanh<sup>1</sup> - từ đây trở đi gọi tắt là vùng Đông Nam Bộ mở rộng. Mẫu điều tra được thiết kế nhằm đại diện cho 3 khu vực dân cư trong toàn vùng: 1. khu vực đô thị của thành phố Hồ Chí Minh; 2. khu vực thành thị thuộc các tỉnh khác trong vùng và 3. khu vực nông thôn của vùng. 840 người từ 60 tuổi trở lên (tính đến tháng 12.1996) đã được chọn ngẫu nhiên từ danh sách nhân khẩu của các địa bàn điều tra để phỏng vấn. Các kết quả phân tích trong báo cáo này đều được áp dụng quyền số theo cấu trúc thực của dân số về giới tính cũng như phân bố không gian trong phạm vi vùng Đông Nam Bộ mở rộng<sup>2</sup>.

## Một số đặc điểm cơ bản của người cao tuổi

Bảng 1 trình bày một số đặc điểm cơ bản qua kết quả điều tra. Một trong những đặc điểm nổi bật của những người cao tuổi ở vùng này là tỷ lệ dân số sống ở khu vực thành thị cao hơn hẳn các khu vực khác - gần 42,8% so với mức bình quân chung của cả nước vào khoảng 20% - trong đó gần 1/3 dân số tập trung tại khu vực thành thị của thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>1</sup> Bao gồm 4 tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ (Sông Bé, Tây Ninh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu) và hai tỉnh kế cận thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long (Long An và Tiền Giang).

<sup>2</sup> Xem thêm mô tả chi tiết về thiết kế chọn mẫu trong ấn phẩm sách phát hành của Trương Sĩ Ánh và tập thể tác giả.

Gần 55% số người được phỏng vấn có độ tuổi từ 60 - 69 và trên 58% là phụ nữ. Tỷ lệ nữ ngày càng vượt trội tỷ lệ nam khi độ tuổi ngày càng tăng (kết quả này không có gì đáng ngạc nhiên bởi thực tế là phụ nữ có tuổi thọ bình quân cao hơn nam giới). Hầu hết những người cao tuổi đều đã từng lập gia đình và chỉ có khoảng 2,5% chưa bao giờ lấy vợ hoặc chồng. Tỷ lệ phụ nữ góa chồng cao gấp 4 lần tỷ lệ nam giới góa vợ và mức chênh lệch này tăng lên cùng với tuổi tác của họ.

Kết quả nghiên cứu cho thấy có những sự khác biệt về trình độ học vấn giữa nam và nữ, giữa các thế hệ và giữa các khu vực địa lý. Những người sinh sống ở khu vực thành thị, là nam giới, và thuộc thế hệ trẻ hơn (60-69 tuổi) có mặt bằng học vấn cao hơn những người khác. Chẳng hạn 24,2% số người cao tuổi ở thành phố Hồ Chí Minh đã tốt nghiệp cấp I trở lên, trong khi đó chỉ có 7,4% số người ở khu vực nông thôn đạt được trình độ này. Tương tự như vậy, tỷ lệ nam giới có trình độ học vấn từ cấp I trở lên cao gấp 4 lần tỷ lệ phụ nữ có trình độ tương đương. Đáng chú ý là 54,2% số người được phỏng vấn chưa bao giờ đi học, mặc dù có khoảng 1/3 trong số họ (18,7%) cho biết họ có thể đọc và viết ở những mức độ khác nhau.

**Một số đặc điểm về hình thức tổ chức đời sống của người cao tuổi**

Kết quả điều tra cho thấy 2/3 số người hiện sống chung với ít nhất 1 người con, hơn 50% sống chung với vợ/chồng và trên 60% sống chung với một người thân khác ngoài vợ/chồng và con cái. Sống đơn độc khi về già không hoàn toàn không mang tính phổ biến ở vùng Đông Nam Bộ mở rộng - chỉ có 4,8% số người được nghiên cứu hiện đang sống một mình, nhưng rất nhiều người trong số họ là những người tu hành. Tỷ lệ người cao tuổi sống độc thân cao hơn ở phụ nữ và phổ biến hơn ở các khu vực nông thôn.

**Bảng 1: Tỷ lệ người cao tuổi sống với vợ/chồng, các con và những người thân khác trong gia đình chia theo đặc điểm của người được phỏng vấn**

	Tổng số	Khu vực điều tra			Giới tính		Nhóm tuổi	
		Thành phố Hồ Chí Minh	Khu vực thành thị khác	Nông thôn	Nam	Nữ	60-69	70+
<i>Tỷ lệ người cao tuổi</i>								
Sống một mình	7,0	2,2	10,8	9,0	6,2	7,8	7,0	7,4
Chỉ sống với vợ/chồng	4,5	0,4	1,2	7,3	5,7	3,9	5,0	4,0
Chỉ sống với các con	6,8	6,4	7,2	6,9	2,0	10,0	6,5	6,9
Chỉ sống với người khác	5,7	6,4	4,8	5,5	2,0	8,4	2,4	9,5
Chỉ sống với vợ/chồng và con	15,5	14,2	14,5	16,3	24,9	8,6	21,1	8,4
Chỉ sống với vợ/chồng và người khác	2,9	0,0	0,0	4,9	4,8	1,6	2,0	4,0
Chỉ sống với con và người khác	27,9	32,2	30,1	25,1	9,9	40,7	22,9	34,0
Sống với vợ/chồng, con và người khác	29,8	38,2	31,3	24,9	44,5	19,0	33,1	25,9
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
<i>Tỷ lệ sống với</i>								
Vợ/ chồng	52,7	46,8	47,0	53,4	79,9	33,1	61,2	42,3
Con	80,0	89,3	79,7	73,0	80,3	77,8	82,8	74,1
Những người khác	66,3	76,8	66,2	60,4	61,2	69,7	60,4	73,4
<i>Tỷ lệ sống trong gia đình có 3 thế hệ trở lên</i>								
	49,9	61,5	54,0	42,9	44,6	53,7	45,9	54,7

Đáng chú ý là hơn 1/2 số người cao tuổi sống trong các hộ gia đình có ít nhất 3 thế hệ cùng chung sống. Tuy nhiên điều này không có nghĩa là phần lớn các hộ gia đình ở vùng nghiên cứu là gia đình mở rộng, mà đúng hơn là đa số người cao tuổi đều sống chung với một hoặc nhiều trong số các con cháu của mình. Mặt khác, bảng 1 cũng cho thấy tỷ lệ người cao tuổi sống trong các gia đình mở rộng ở khu vực thành thị, nhất là thành phố Hồ Chí Minh có xu hướng cao hơn khá nhiều so với các khu vực nông thôn. Điều này phù hợp với kết quả phân tích sẽ được trình bày ở phần sau là người cao tuổi ở khu vực thành thị phụ thuộc vào con cái về mặt kinh tế nhiều hơn người cao tuổi ở các khu vực nông thôn, đồng thời cũng rất có thể có liên quan đến thực tế là điều kiện nhà ở tại các thành phố lớn khó khăn hơn nhiều so với các vùng nông thôn.

Kết quả thu được cho thấy rõ tính chất thiên về dòng nội trong mô hình tổ chức đời sống của người cao tuổi ở vùng Đông Nam Bộ mở rộng. 46,1% số người được nghiên cứu sống với con trai đã lập gia đình, cao hơn 1,75 lần tỉ lệ người cao tuổi sống với con gái đã có gia đình. Tính chất này còn thể hiện rõ nét hơn nhiều ở các khu vực nông thôn, với tỉ lệ người cao tuổi sống chung cùng con trai đã có gia đình cao gấp hơn 2,5 lần tỉ lệ người cao tuổi sống chung cùng con gái đã xây dựng gia đình.

### **Sự trao đổi vật chất và tinh thần giữa những người cao tuổi và các con**

Các kết quả nghiên cứu cho thấy, tỉ lệ người cao tuổi có liên hệ trao đổi qua lại về vật chất và tinh thần với ít nhất là một người con của mình (trong tổng số những người có ít nhất một người con). Trong phiếu điều tra nghiên cứu có các câu hỏi về tần suất trao đổi (không có, thỉnh thoảng và thường xuyên), nhưng để đơn giản hóa phần diễn giải các kết quả phân tích, trong bài viết này chỉ phân biệt những người có (dù ít hay nhiều) và những người không có mối liên hệ trao đổi qua lại với các con của mình.

Trong cuộc điều tra nghiên cứu này, câu hỏi có liên quan đến sự thăm viếng qua lại chỉ đặt ra cho những người con không cùng chung sống với cha mẹ. Kết quả điều tra cho thấy hầu hết các bậc cha mẹ đều được con cái thăm viếng, dù thường xuyên hay không thường xuyên. Ngược lại, gần 87,1% số người cao tuổi cho biết họ có viếng thăm con cái cho dù họ ở gần hay ở xa. Kết quả thu được cũng cho thấy tỉ lệ người cao tuổi ở thành thị có sự thăm nom con cái thấp hơn đáng kể so với những người cao tuổi ở nông thôn. Kết quả này một phần có liên quan đến thực tế là tỉ lệ người cao tuổi có con sống ở các tỉnh khác hoặc ở nước ngoài của khu vực thành thị cao hơn hẳn của khu vực nông thôn. Theo kết quả điều tra, trên 25% số người cao tuổi ở khu vực thành thị cho biết họ có ít nhất một người con đang sinh sống ở nước ngoài, trong khi đó tỉ lệ này ở các khu vực nông thôn chỉ là 5,4%.

90% các bậc cha mẹ lớn tuổi được con cái cung cấp hoặc hỗ trợ lương thực thực phẩm và các vật dụng sinh hoạt hàng ngày và 78,4% nhận được sự hỗ trợ về tiền bạc hoặc các vật dụng có giá trị lớn từ con cái của mình. Kết quả phân tích cho thấy, nguồn hỗ trợ về lương thực thực phẩm và đồ dùng sinh hoạt chủ yếu xuất phát từ những người con sống cùng nhà hoặc ở gần cha mẹ, trong khi đó những người sống ở xa lại giúp đỡ cha mẹ thông qua việc gửi tiền hoặc hàng hóa có giá trị lớn.

### **Nguồn thu nhập chính của gia đình và bản thân những người cao tuổi**

Trong cuộc điều tra lần này, những người cao tuổi đã được hỏi về những nguồn thu nhập quan trọng đối với bản thân hoặc gia đình của người được phỏng vấn. Bảng 2 biểu diễn kết quả phân tích nguồn thu nhập quan trọng nhất đối với người cao tuổi chia theo khu vực điều tra, giới tính và nhóm tuổi của họ. Nhìn chung, chỉ có chưa đến 1/4 số người cao tuổi cho biết nguồn sống chính của họ chủ yếu dựa vào thu nhập từ công việc của bản thân hoặc của cả hai vợ chồng, trong khi đó 53% cho biết chỗ dựa chủ yếu về kinh tế của họ là con cái. Và mặc dù bài viết này không có ý định phân tích về sự phân biệt nam nữ trong gia đình, nhưng bảng 2 rõ ràng cho thấy những người con trai, nhất là những người đã lập gia đình, chính là nguồn hỗ trợ kinh tế rất quan trọng đối với cha mẹ già. Thật vậy, gần 35% số người cao tuổi được phỏng vấn cho biết con trai họ là những người chu cấp nuôi dưỡng chính, so với khoảng 17% số người cho rằng con gái họ là nguồn hỗ trợ chính cho cuộc sống của mình. Tỉ lệ người cao tuổi có nguồn thu nhập chính là lương hưu và tiền trợ cấp mất sức, trợ cấp chính sách và xã hội chiếm chưa đến 5% tổng số người được phỏng vấn.

Bảng 2 cũng cho thấy người cao tuổi ở khu vực thành thị phụ thuộc vào con cái về mặt kinh tế nhiều hơn người cao tuổi ở các vùng nông thôn. Gần 44% số người cao tuổi ở nông thôn cho biết nguồn thu nhập chính của họ là công việc của bản thân, của cả 2 vợ chồng hoặc từ các hoạt động nông nghiệp của gia đình, cao gần gấp 3 lần tỉ lệ người cao tuổi có cùng nguồn thu nhập chính ở Thành phố Hồ Chí Minh và cao hơn gấp 2 lần tỉ lệ ở các khu vực

thành thị khác. Mặt khác, kết quả điều tra cũng cho thấy phụ nữ có xu hướng phụ thuộc vào con cái nhiều hơn là nam giới (58,2% so với 45,3%). Đồng thời các bà mẹ cũng được trông cậy vào các con gái của mình nhiều hơn là các ông bố.

**Bảng 2: Nguồn thu nhập quan trọng nhất của người cao tuổi, chia theo đặc điểm của người được phỏng vấn**

Nguồn thu nhập quan trọng nhất	Khu vực điều tra				Giới tính		Nhóm tuổi	
	Tổng số	Thành phố Hồ Chí Minh	Khu vực thành thị khác	Nông thôn	Nam	Nữ	60 đến 69	70+
Việc làm của bản thân hoặc cả 2 vợ chồng	23,7	14,7	22,9	28,8	32,8	17,5	32,7	12,8
Hoạt động trồng trọt, chăn nuôi gia đình	9,0	0,4	0,0	15,1	9,1	8,8	9,8	8,1
Lương hưu, mất sức, bảo hiểm xã hội	2,5	3,8	2,4	1,6	5,1	0,6	3,1	1,8
Lãi gửi tiết kiệm, cho thuê mướn, đầu tư...	1,9	4,1	4,8	0,2	2,3	1,6	1,5	2,4
Trợ cấp chính sách và trợ cấp xã hội	2,3	0,4	0,0	3,7	1,1	3,1	0,7	4,2
Con trai đã lập gia đình chu cấp nuôi dưỡng	24,0	31,2	22,9	20,4	20,8	26,5	20,0	28,8
Con gái đã lập gia đình chu cấp nuôi dưỡng	10,8	16,5	14,5	7,2	8,0	12,8	8,7	13,4
Con trai chưa lập gia đình chu cấp nuôi dưỡng	10,9	15,8	10,8	8,4	12,0	10,1	13,5	7,9
Con gái chưa lập gia đình chu cấp nuôi dưỡng	6,5	7,9	8,4	5,3	4,3	8,0	6,1	7,1
Con dâu chu cấp nuôi dưỡng	0,2			0,4	0,3	0,2		0,5
Con rể chu cấp nuôi dưỡng	0,5		1,2	0,6		0,6	0,4	0,5
Nguồn khác	7,6	5,3	12,0	8,2	4,3	10,1	3,5	12,6
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

**Kết luận**

Kết quả điều tra nghiên cứu ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận cho thấy gia đình vẫn là nguồn hỗ trợ vật chất và tinh thần quan trọng nhất đối với những người cao tuổi. Đại bộ phận những người cao tuổi đều sống cùng với ít nhất là một người con, hoặc nếu không cũng có con cái sống cạnh nhà hoặc cùng xã, phường. Kết quả điều tra cũng cho thấy có một bộ phận nhỏ những người cao tuổi hiện đang sinh sống một mình và họ chính là những người yếu thế và bị thiệt thòi hơn cả. Thật vậy, kết quả phân tích cho thấy tỷ lệ người có tình trạng kinh tế khó khăn và sức khỏe yếu kém trong nhóm dân số này cao hơn hẳn tỷ lệ thuộc nhóm những người không phải sống cô đơn một mình. Tuy nhiên bộ phận dân số yếu thế này chỉ chiếm chưa đầy 5% trong tổng số người cao tuổi tại khu vực nghiên cứu.

Các phân tích về cấu trúc hộ gia đình và các nguồn hỗ trợ kinh tế đã cho thấy tính chất thiên về đàn nội khá mạnh trong mô hình tổ chức đời sống của người cao tuổi ở vùng Đông Nam Bộ mở rộng. Những người con trai đã lập gia đình (không nhất thiết phải là con trai trưởng) đã tỏ rõ vai trò quan trọng của họ đối với việc nuôi dưỡng và chăm sóc cha mẹ già. Đó cũng là lẽ thường tình trong một nền văn hóa với phong tục là phụ nữ lấy chồng thì phải theo về nhà chồng như ở Việt Nam. Và đặc điểm này được thể hiện rõ hơn ở các vùng nông thôn.

Một trong những câu hỏi được đặt ra qua cuộc điều tra nghiên cứu này là với sự suy giảm mức sinh khá nhanh trong những năm gần đây ở Việt Nam, liệu số người quan tâm và chăm sóc những người cao tuổi có giảm đi trong tương lai hay không? Các kết quả nghiên cứu ở các nước châu Á khác cho thấy ảnh hưởng của sự suy giảm số con đến sự chăm sóc người già ít hơn nhiều so với những gì người ta vẫn tưởng chừng nào các cặp vợ chồng vẫn có ít nhất là 1 người con để chăm sóc mình khi về già (Jaing, 1994; Knodel, Chayovan và Siriboon, 1992; Knodel, Saengtienchai và Obiero, 1995). Kết quả phân tích của chúng tôi (không được trình bày trong bài viết này) cũng thực sự cho thấy tỷ lệ người già được con cái chăm sóc giúp đỡ chỉ tăng lên rất ít khi họ có nhiều con. Hay nói một cách khác là khả năng người già được con cái chăm sóc gần như không phụ thuộc vào số con mà họ có (John Knodel và các tác giả, sắp xuất bản).

Tuy nhiên, cần lưu ý là số con giảm đi cũng có nghĩa là trách nhiệm chăm sóc cha mẹ đối với mỗi người con sẽ nặng hơn là trong trường hợp có nhiều người con cùng chia sẻ.